

Số: /HD-SGDĐT *Quảng Ninh, ngày tháng 01 năm 2022*

HƯỚNG DẪN

Thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định 81);

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 65);

Căn cứ công văn số 9390/UBND-GD ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập như sau:

1. Một số quy định chung

a. Phạm vi áp dụng Nghị quyết 65 thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết, là các cơ sở giáo dục thuộc loại hình công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

- Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập;
- Trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học công lập;
- Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên Tỉnh, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện;
- Trường cao đẳng, trường đại học công lập (trừ các trường thuộc Bộ, ngành đóng trên địa bàn tỉnh) thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).

b. Mức học phí của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 9 của Nghị định 81; của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Nghị định 81.

c. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tự thực được quyền chủ động xây dựng mức học phí theo quy định tại điểm a khoản 4, Điều 8 của Nghị định 81; chịu trách nhiệm về mức thu học phí theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 của Nghị định 81.

d.. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo mức học phí của năm học hoặc của cả khóa học trước khi tuyển sinh (đối với lớp đầu cấp) hoặc trước ngày tựu trường (đối với các lớp còn lại); không được thay đổi mức học phí trong năm học.

đ. Quy định về thu học phí thực hiện theo Điều 12 của Nghị định 81. Mức học phí được tính theo tháng, cơ sở giáo dục không chia nhỏ mức học phí (theo ngày, tuần ...) để thu; tăng cường hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí.

e. Đối tượng được hỗ trợ 100% học phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì không thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định 81 nhưng vẫn được thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định.

g. Trường hợp một đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập qui định ở các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách ở văn bản có mức hỗ trợ cao nhất; nếu các mức bằng nhau thì thực hiện theo quy định tại văn bản có tính pháp lý cao hơn.

2. Mức học phí và quy định áp dụng mức học phí theo quy định tại Nghị quyết 65

a. Mức học phí

- Đối với năm học 2021 - 2022: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 65. Mức học phí năm học 2021 - 2022 là cơ sở để thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh¹; các địa phương, đơn vị thực hiện chính sách hỗ trợ học phí trên theo Công văn số 2847/LS-SGDĐT-STC ngày 07/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở tài chính² và Công văn số

¹ Nghị quyết về một số giải pháp cấp bách và chính sách đặc thù phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

² Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số giải pháp cấp bách và chính sách đặc thù

3089/SGDDĐT-KHTC ngày 27/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo³.

- Từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 65.

b. Áp dụng mức học phí

- Vùng áp dụng mức học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết 65, mỗi cấp học của mỗi cơ sở giáo dục có một mức học phí duy nhất áp dụng trong cả năm học cho các đối tượng người học, không phân biệt theo địa bàn thường trú của người học và gia đình người học. Trường hợp có sự thay đổi về vùng (xã hoặc thị trấn chuyển thành phường, xã hoặc thị trấn ra khỏi vùng dân tộc thiểu số và miền núi ...), cơ sở giáo dục báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để áp dụng mức học phí mới và thực hiện theo quy định tại điểm d, mục 1 nêu trên;

- Cơ sở giáo dục thường xuyên công lập (Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên ...), cơ sở đào tạo khác (trường cao đẳng, trường đại học) thực hiện chương trình giáo dục phổ thông áp dụng mức học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết 65, trách nhiệm thực hiện các quy định về mức học phí như đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Mức học phí trong trường hợp học trực tuyến (học online) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết 65.

3. Thu, quản lý và sử dụng học phí

Cơ sở giáo dục thực hiện thu, quản lý và sử dụng học phí theo quy định tại Điều 12, Điều 13 của Nghị định 81. Dành 40% tổng thu học phí để dự phòng nguồn kinh phí tăng lương, phần còn lại được bổ sung vào nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị.

4. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

a. Đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18 của Nghị định 81.

b. Quy trình thủ tục thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và phương thức chi trả thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 của Nghị định 81.

c. Công tác lập, phân bổ sự toán, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí,

phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

³ Sửa đổi nội dung hướng dẫn số 2847/LS-SGDDĐT-STC ngày 07/10/2021 về triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học phí.

hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 81.

d. Quyết toán kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được tổng hợp chung vào quyết toán chi ngân sách nhà nước của cơ sở giáo dục công lập, phòng Giáo dục và Đào tạo theo chương, loại, khoản mục lục ngân sách nhà nước hiện hành; Tiêu mục 7165 (đối với trợ cấp ưu đãi học tập), tiêu mục 7766 (đối với cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: TC, NV, LĐTBXH, VHHT;
- UBND huyện, TX, TP;
- Các cơ sở giáo dục;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, KHTC₀₉

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn